

Số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/6/2022.

V/v: Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều O
và anh Nguyễn Xuân M.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Nam và bà Phạm Thị Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kiều O**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nhà 816/6 T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân M**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà 816/14 T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều O trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Nguyễn Xuân M kết hôn với nhau vào ngày 12/6/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Châu, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc và có tổ chức đám cưới. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu được 05 năm. Quá trình sống chung, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M thường xuyên uống rượu, cờ bạc dẫn đến nợ nần, không chăm lo kinh tế gia đình, chị đã phải bán rất nhiều tài sản có giá trị (như xe ô tô tải) để trả nợ cho anh M nhiều lần. Chị và gia đình bên nội, bên ngoại đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh M vẫn chứng nào tật nấy, không chịu sửa chữa, thay đổi. Từ năm 2016 cho đến nay chị và anh M sống ly thân, mỗi người ở một nơi, chị và 02 con về nhà bố mẹ ruột sinh sống, không ai còn quan tâm đến

nhau nữa. Mặc dù đã sống ly thân nhưng anh M thường xuyên qua nhà mẹ ruột của chị khùng bố về tình thân (như chửi bới, ném đá vào nhà,...). Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Xuân M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, có họ và tên là Nguyễn Uyên N, sinh ngày 17/10/2009 và Nguyễn Như Q, sinh ngày 30/10/2011, hiện tại 02 con chung đang ở với chị. Khi ly hôn nguyện vọng của chị được nuôi hết 02 con chung, chị có nghề nghiệp thợ làm tóc, thu nhập bình quân 01 tháng từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ, chị đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Viện kiểm sát không kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về ... án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều O về ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân M. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Uyên N, sinh ngày 17/10/2009 và Nguyễn Như Q, sinh ngày 30/10/2011, nguyện vọng của 02 con chung yêu cầu được ở với chị O, nguyện vọng của chị O yêu cầu được nuôi hết 02 con chung. Vì vậy, giao 02 con chung cho chị O nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên là phù hợp. Chị O có nghề nghiệp thợ làm tóc, thu nhập bình quân 01 tháng từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nên ghi nhận; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có nên không xem xét; về án phí: chị Nguyễn Thị Kiều O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

1.1. Chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Nguyễn Xuân M kết hôn với nhau vào ngày 12/6/2007, có đăng ký tại UBND xã Lộc Châu, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 71, quyển số 01/2007. Chị O yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn đối với anh Nguyễn Xuân M. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về: “Ly hôn”.

1.2. Bị đơn anh Nguyễn Xuân M, ở địa chỉ: Số nhà 816/14 T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật

Tổ tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

1.3. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Xuân M có hành vi chống đối, không hợp tác với Tòa án để làm việc. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Nguyễn Xuân M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung theo chị Nguyễn Thị Kiều O xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh M thường xuyên uống rượu, cờ bạc dẫn đến nợ nần, không chăm lo kinh tế gia đình, chị O đã phải bán rất nhiều tài sản có giá trị (như xe ô tô tải) để trả nợ cho anh M nhiều lần. Chị O và gia đình bên nội, bên ngoại đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh M vẫn chứng nào tật nấy, không chịu sửa chữa, thay đổi. Từ năm 2016 cho đến nay chị O và anh M sống ly thân, mỗi người ở một nơi, chị O cùng 02 con về nhà bố mẹ ruột sinh sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù đã sống ly thân nhưng anh M thường xuyên qua nhà mẹ ruột của chị khủng bố về tinh thần (như chửi bới, ném đá vào nhà,...).

Tại biên bản xác minh ghi ngày 12/5/2022 đối với ông Đào Ngọc T là Trưởng thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có nội dung: Về tình trạng hôn nhân của chị O và anh M thì địa phương không nắm bắt được. Anh Nguyễn Xuân M, sinh năm 1982, nơi đăng ký thường trú và cư trú tại: Số nhà Số nhà 816/14 T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại văn bản ngày 31/5/2022 đối với bà Đào Thị L, sinh năm 1952 là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Kiều O, có nội dung: Về mâu thuẫn vợ chồng của chị O và anh M đã trầm trọng, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, hiện tại cả hai đã sống ly thân. Bà L đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị O và anh M theo quy định của pháp luật.

Xét hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Nguyễn Xuân M lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chị O và anh M đã sống ly thân nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn lại gia đình. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn với anh Nguyễn Xuân M.

2.2. Về con: Vợ chồng chị O, anh M có 02 con chung, có họ và tên là Nguyễn Uyên N, sinh ngày 17/10/2009 và Nguyễn Như Q, sinh ngày 30/10/2011, hiện tại 02 con chung đang ở với chị O. Tham khảo ý kiến của cháu Như và cháu Quỳnh đều có nguyện vọng được sống chung với chị O; nguyện vọng của chị O yêu cầu được nuôi hết 02 con chung. Vì vậy, giao 02 con chung cho chị O nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên là phù hợp. Chị O có nghề nghiệp thợ làm tóc, thu nhập bình quân 01 tháng từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nên ghi nhận,

2.3. Về tài sản chung: Chị O trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về nợ chung: Chị O trình bày không có nên không xem xét.

[3] Từ những phân tích, căn cứ pháp luật nêu trên, kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều O về “Ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân M.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều O phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều O về “Ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân M.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Nguyễn Xuân M.

3. Về con chung: Giao 02 con chung có họ và tên là Nguyễn Uyên N, sinh ngày 17/10/2009 và Nguyễn Như Q, sinh ngày 30/10/2011 cho chị Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Chị Nguyễn Thị Kiều O đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh Nguyễn Xuân M cấp dưỡng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và khi có lý do chính đáng thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004911 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Nguyễn Thị Kiều O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm..

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND Tp. B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Chi cục T.H.A.DS. Tp. B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- + UBND xã L, thành phố B, tỉnh lâm
Đồng;
- + Lưu hồ sơ.

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Đức Công